BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thị Phương Anh

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thị Phương Anh

HẢI PHÒNG - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tên em là: Nguyễn Thị Phương Anh

Sinh viên lớp: QT1405K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán.

Khoa: Quản trị kinh doanh

Trường : Đại học Dân lập Hải Phòng.

Em xin cam đoan như sau :

1. Những số liệu, tài liệu trong báo cáo được thu thập một cách trung thực

2. Các kết quả của báo cáo chưa có ai nghiên cứu, công bố và chưa từng được áp dụng vào thực tế.

Vậy em xin cam đoan những nội dung trình bày trên chính xác và trung thực. Nếu có sai sót em xin chịu trách nhiệm trước Khoa quản trị kinh doanh và trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Người cam đoan

Nguyễn Thị Phương Anh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài nghiên cứu này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến: Các thầy giáo, cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt những kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán và cả những kinh nghiệm thực tiễn quý báu thực sự hữu ích cho em trong quá trình thực tập và sau này.

Cô giáo, Th.s Trần Thị Thanh Thảo đã hết lòng hỗ trợ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành đề tài.

Các cô, chú, anh, chị cán bộ làm việc tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc đã tạo điều kiện cho em được thực tập tại Phòng Kế toán Công ty.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực trang công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty nhằm đưa ra biện pháp hữu ích, có khả năng áp dụng với điều kiện hoạt động của Công ty, nhưng do thời gian và trình độ còn hạn chế nên trong quá trình hoàn thành đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu và chỉ bảo của thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo giáo, Th.s Trần Thị Thanh Thảo và các cô, chú, anh, chị cán bộ Phòng Kế toán Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc đã nhiệt tình hướng dẫn, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Anh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CP	Chi phí
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQL	Chi phí quản lý
GTGT	Giá trị gia tăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NVL	Nguyên vật liệu
SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa.
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT 3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất. 3
1.1.1. Nguyên vật liệu và vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. 3
1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu. 3
1.1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. 3
1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. 3
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp. 3
1.2. Phân loại nguyên vật liệu và tính giá nguyên vật liệu. 4
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu. 4
1.2.1.1. Sự cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu. 4
1.2.1.2. Phương pháp phân loại nguyên vật liệu. 4
1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu. 5
1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu. 5
1.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu. 6
1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất. 9
1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp. 9
1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng. 9
1.3.1.2. Các sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu. 10
1.3.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu. 10
1.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. 15
1.3.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. 15
1.3.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng. 15

1.3.2.1.2. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. 16
1.3.3. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. 16
1.3.3.1. Tài khoản sử dụng. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.3.2. Phương pháp hạch toán. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.4. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính. ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3.5. Cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp 17
1.3.5.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp 17
1.3.5.2. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu 17
1.3.5.3. Đánh giá hiệu quả việc sử dụng nguyên vật liệu 18
CHƯƠNG 2 TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC. 24
2.1. Tổng quan về công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 24
2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty. 24
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty. 24
2.1.2.1. Chức năng của công ty. 24
2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty. 25
2.1.3. Đặc điểm sản phẩm, công nghệ sản xuất. 25
2.1.3.1. Đặc điểm sản phẩm. 25
2.1.3.2. Công nghệ sản xuất. 25

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý. 26
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 27
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán. 27
2.1.5.2. Hình thức kế toán. 29
2.1.7. Những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị cho những năm tới của công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc trong quá trình hoạt động kinh doanh. **Error! Bookmark not defined.**
2.1.7.1. Những thuận lợi. .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.7.2. Những khó khăn. .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.7.3. Những kiến nghị của công ty trong những năm sau. ... **Error! Bookmark not defined.**
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....30
2.2.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại công ty.....30
2.2.1.1. Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại công ty. 30
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....30
2.2.2. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu, đánh giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 31
2.2.2.1. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu. 31
2.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty. 31
2.2.3. Phương pháp xác định giá các yếu tố nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 31
2.2.3.1. Xác định giá thực tế của vật liệu nhập kho. 31
2.2.3.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho. 32
2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 33
2.2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty. 33
2.2.4.2. Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty. 38
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. ...41
2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 47

2.2.6.1. Tài khoản và sổ sách sử dụng. 47
2.2.6.2. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty. 47
2.2.6.3. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty. 56
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU 59
TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC 59
3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc 59
3.1.1 . Ưu điểm. 59
3.1.2 . Những mặt hạn chế còn tồn tại. 60
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 61
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện. 61
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện. 61
3.2.3. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. 62
KẾT LUẬN 67

LỜI MỞ ĐẦU

I.Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế thị trường luôn gắn liền với cạnh tranh. Muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết cách chiến thắng các đối thủ cạnh tranh của mình. Để đạt được mục tiêu ấy, mỗi doanh nghiệp có những hướng đi khác nhau, những giải pháp khác nhau và sử dụng những công cụ khác nhau. Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường ngoài việc nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng…, thì điều đặc biệt quan trọng là phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất, sự cần thiết phải tổ chức quản lý nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty; với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường; sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng Tài chính- Kế toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo, Th.s Trần Thị Thanh Thảo, em đã đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài: **"Một số giải pháp về kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc"** làm đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Mục đích và ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài.

- Nghiên cứu khảo sát thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp.

- Vận dụng lý luận về kế toán nguyên vật liệu vào quá trình nghiên cứu thực tiễn tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

- Từ đó đề xuất các ý kiến nhằm hoàn thiện công tác quản lý nguyên vật liệu tại doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

- Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi của bài là những kiến thức về lý luận về kế toán nguyên vật liệu. Từ đó em nghiên cứu tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc. Số liệu minh họa được lấy tháng 12 năm 2013.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp hạch toán kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối.

- Phương pháp phân tích so sánh

- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

5. Kết cấu của đề tài

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của Đề tài nghiên cứu khoa học được chia thành 3 chương :

Chương I: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương II: Tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Chương III: Một số giải pháp về kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

1.1.1. Nguyên vật liệu và vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.

- Khái niệm: Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là tài sản ngắn hạn và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

- Đặc điểm: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu. Giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra hoặc vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

1.1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Xét về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động.

- Xét về mặt giá trị: Nguyên vật liệu là bộ phận quan trọng của vốn lưu động.

Mặt khác chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm, cho nên cần phải tăng cường công tác kế toán nguyên vật liệu, quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ nhằm sử dụng nguyên vật liệu một cách khoa học và có hiệu quả.

1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất việc quản lý nguyên vật liệu đòi hỏi phải chặt chẽ, khoa học ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng. Như vậy, công tác quản lý vật liệu rất quan trọng. Trong thực tế vẫn còn có nhiều doanh nghiệp để thất thoát nguyên vật liệu do không có sự quản lý tốt ở các khâu hoặc không thực hiện đúng yêu cầu. Vậy nên, để quản lý tốt nguyên vật liệu thì doanh nghiệp phải luôn cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện việc phân loại, đánh giá vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để ghi chép, phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình biến động tăng, giảm của vật liệu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, xác định trị giá vốn hàng bán

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật liệu, kế hoạch sử dụng vật liệu cho sản xuất và kế hoạch bán hàng.

Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là rất cần thiết do vậy doanh nghiệp cần phải tổ chức khoa học hợp lý để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp. *(Trương Thị Thủy-Ngô Thế Chi, 2012) [3,10]*

1.2. Phân loại nguyên vật liệu và tính giá nguyên vật liệu.

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.

1.2.1.1. Sự cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu.

- Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải sử dụng rất nhiều loại, thứ nguyên vật liệu khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng, tính năng lý hóa khác nhau. Khi tổ chức hạch toán chi tiết đối với từng loại nguyên vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị, doanh nghiệp cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Mỗi doanh nghiệp nên sử dụng những loại nguyên vật liệu khác nhau và sự phân chia cũng khác nhau theo từng tiêu thức nhất định.

- Phân loại nguyên vật liệu là việc phân chia nguyên vật liệu của doanh nghiệp thành các loại các nhóm theo tiêu thức phân loại nhất định.

1.2.1.2. Phương pháp phân loại nguyên vật liệu.

<u>Thứ nhất:</u> Căn cứ vào nội dung kinh tế và vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên liệu, vật liệu chính
-Vật liệu phụ
- Nhiên liệu
- Phụ tùng thay thế
- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản
- Vật liệu khác

Tác dụng: Cách phân loại này là cơ sở để xây dựng định mức tiêu hao cho từng loại ,từng thứ nguyên vật liệu và cũng là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

<u>Thứ hai:</u> Căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu, chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công.
- Nguyên vật liệu từ các nguồn khác: nhận góp vốn, cấp phát, tài trợ, biếu tặng

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng kế hoạch, tìm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu sao cho có hiệu quả nhất.

<u>Thứ ba:</u> Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

+ Nhượng bán;

+ Đem góp vốn liên doanh;

+ Đem quyên tặng;

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xác định trọng tâm cần phải quản lý những loại nguyên vật liệu nào .

Ngoài các cách phân loại vật liệu như trên, để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật liệu.

1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.

1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu:

- Nguyên tắc giá gốc
- Nguyên tắc thận trọng
- Nguyên tắc nhất quán

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh:

+ Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.

+ Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.

+ Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.

+ Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

1.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.

Thứ nhất: ***Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.***

Vật liệu trong doanh nghiệp được đánh giá theo trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho. Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập. Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá trị của chúng trong từng trường hợp được xác định như sau:

- Nhập kho do mua ngoài:

+ Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua vật tư, trừ đi các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán do không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

+ Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng không chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng cho các mục đích phúc lợi, các dự án... thì giá mua đã bao gồm cả thuế GTGT (là tổng giá thanh toán).

- Nhập kho do tự sản xuất: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá thành sản xuất của nguyên vật liệu tự sản xuất chế biến.

- Nhập kho do thuê ngoài gia công chế biến: Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho thuê ngoài gia công cộng số tiền phải trả cho người nhận gia công chế biến cộng các chi phí vận chuyển bốc dỡ khi giao nhận.

- Nhập vật tư do nhận vốn góp liên doanh: Trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho là giá do hội đồng liên doanh thoả thuận cộng các chi phí phát sinh khi nhận.

- Nhập vật tư do được cấp: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí phát sinh khi nhập.

- Nhập vật tư do được biếu tặng, đươc tài trợ: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí khác phát sinh.

Thứ hai: ***Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.***

Về nguyên tắc hàng nhập kho theo giá nào thì xuất kho theo giá đó. Nhưng nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Tuỳ theo đặc điểm, yêu cầu quản lý, trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà doanh nghiệp sẽ áp dụng một trong 4 phương pháp được quy định trong chuẩn mực hàng tồn kho (chuẩn mực số 02) để xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

Theo phương pháp này khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, giá trị của từng loại nguyên vật liệu tương đối lớn có thể nhận diện được từng lô hàng.

+ Ưu điểm: Công tác tính giá NVL được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL.

+ Nhược điểm: Áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

Trị giá vốn thực tế vật liệu xuất kho = Số lượng vật liệu xuất kho x Đơn giá bình quân gia quyền

Đơn giá bình quân gia quyền có thể tính theo một trong hai cách sau:

+ Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

+ Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập hoặc tính vào thời điểm trước mỗi lần xuất được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động.

$$\text{ĐGBQ sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu tồn kho mỗi lần nhập} + \text{Trị giá nguyên vật liệu nhập kho}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn kho mỗi lần nhập} + \text{Tổng lượng nguyên vật liệu nhập kho}}$$

Cách tính này xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho hàng ngày, nên có thể cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này áp dụng ở những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, số lần nhập xuất kho nguyên vật liệu không nhiều.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời.

+ Nhược điểm: Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật tư nhập kho trong từng lần tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

+ Nhược điểm: Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc vào sự ổn định của giá cả vật tư. Trong trường hợp giá cả của vật tư biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

- Phương pháp giá hạch toán.

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức và nhiều khi không thực hiện được. Do đó, việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Giá hạch toán là loại giá ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng trong thời gian dài để hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán. Sử dụng giá hạch toán để giảm bớt khối lượng cho công tác kế toán nhập xuất hàng ngày nhưng cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\text{Hệ số giá nguyên liệu, vật liệu} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá nguyên vật liệu nhập kho}}{\text{Trị giá hạch toán vật tư tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán vật tư nhập kho}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

Trị giá thực tế hàng xuất = Hệ số giá × Trị giá hạch toán của hàng xuất kho

Trị giá thực tế hàng tồn cuối kỳ = Hệ số giá × Trị giá hạch toán của hàng tồn cuối kỳ

Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao. *(Trương Thị Thủy-Ngô Thế Chi, 2012) [3,15]*

1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

- Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm, thứ vật tư về số lượng và giá trị.

- Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu phù hợp để tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất vật liệu đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- Hoá đơn GTGT- MS 01 GTKT- LN
- Hoá đơn bán hàng mẫu 02 GTKT- LN
- Hoá đơn cước vận chuyển (Mẫu 03-BH)

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn:

- Biên bản kiểm nghiệm (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)

1.3.1.2. Các sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Số kế toán chi tiết phục vụ cho việc hạch toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến đối tượng kế toán cần hạch toán chi tiết .Tuỳ thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết như sau:

- Thẻ kho.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu.
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

1.3.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

***Thứ nhất:* Phương pháp ghi thẻ song song.**

- Nội dung:

+ Ở kho: Thủ kho dùng "Thẻ kho" để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Danh điểm vật tư là mã sổ chi tiết cho từng loại vật tư.

Khi nhận chứng từ nhập, xuất vật tư thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi các chứng từ nhập - xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập - xuất cho từng thứ vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) chi tiết vật tư. Mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó tiến hành đối chiếu:

+ Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.

+ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp chi tiết vật liệu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

+ Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Có thể khái quát nội dung, trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song theo sơ đồ sau:

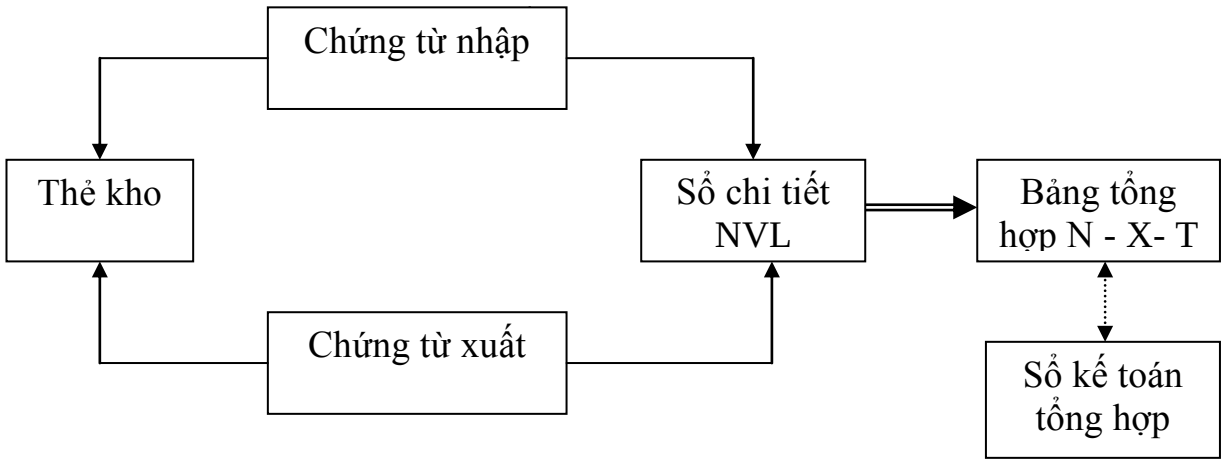

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

(Trương Thị Thủy-Ngô Thế Chi, 2012) [3,33]

- Ưu điểm: Phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu.

- Nhược điểm:

+ Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư).

+ Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng.

- Điều kiện áp dụng:

+ Đối với kế toán thủ công: Thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên.

+ Đối với doanh nghiệp ứng dụng phần mềm kế toán: Áp dụng rộng rãi cho các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có chủng loại vật tư nhiều, các nghiệp vụ kế toán nhập, xuất thường xuyên.

<u>Thứ hai:</u> Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển.

- Nội dung:

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng "thẻ kho" để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng "Sổ đối chiếu luân chuyển" để ghi chép cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. "Sổ đối chiếu luân chuyển" được mở cho cả năm và được ghi vào cuối tháng, mỗi thứ vật tư được ghi một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập - xuất kho, kế toán tiến hành kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng thứ vật tư, danh mục vật tư chứng từ nhập riêng, chứng từ xuất riêng. Hoặc kế toán có thể lập "bảng kê nhập", "bảng kê xuất".

Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ các chứng từ (hoặc từ bảng kê) để ghi vào "Sổ đối chiếu luân chuyển" cột luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Đồng thời, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với các số liệu trên thẻ kho và trên sổ kế toán tài chính liên quan (nếu cần).

Trình tự ghi sổ có thể được khái quát theo sơ đồ sau:

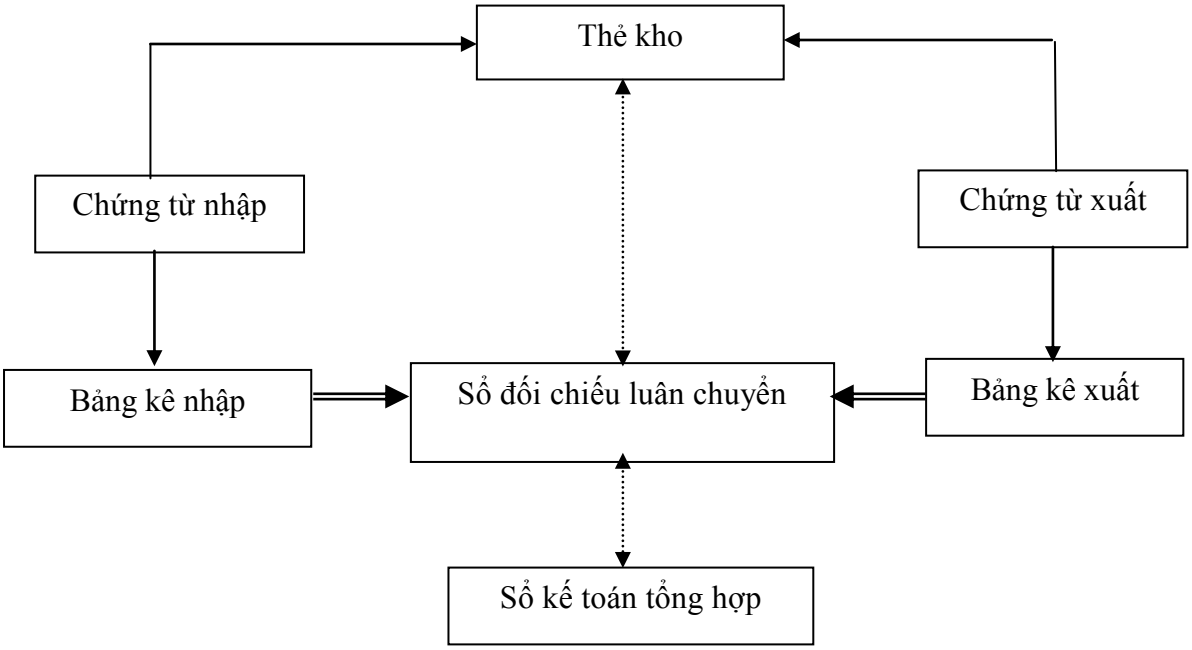

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi số đối luân chuyển

(Trương Thị Thủy-Ngô Thế Chi, 2012) [3,34]

- Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm:

+ Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

+ Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa thủ kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế việc kiểm tra của phòng kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít, không có điều kiện theo dõi, ghi chép thường xuyên tình hình nhập, xuất hàng ngày. Phương pháp này thường được áp dụng ít trong thực tế.

***Thứ ba:* Phương pháp ghi sổ số dư.**

- Nội dung:

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng "thẻ kho" để ghi chép giống như hai phương pháp ghi trên. Đồng thời cuối tháng, thủ kho còn ghi vào "sổ số dư" số lượng tồn kho cuối tháng của từng thứ nguyên vật liệu.

Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, được mở cho cả năm.Trên số số dư nguyên vật liệu được xếp theo thứ, nhóm, loại. Sau mỗi nhóm, loại có dòng cộng nhóm, cộng loại. Cuối tháng, sổ số dư được chuyển cho thủ kho ghi chép.

+ Ở phòng kế toán: Mở bảng kê luỹ kế nhập và bảng kê luỹ kế xuất. Cuối tháng, căn cứ vào các bảng kê này để cộng tổng số tiền theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào bảng luỹ kế nhập - xuất - tồn. Đối chiếu số liệu trên bảng luỹ kế nhập - xuất - tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Trình tự ghi sổ có thể được khái quát theo sơ đồ sau:

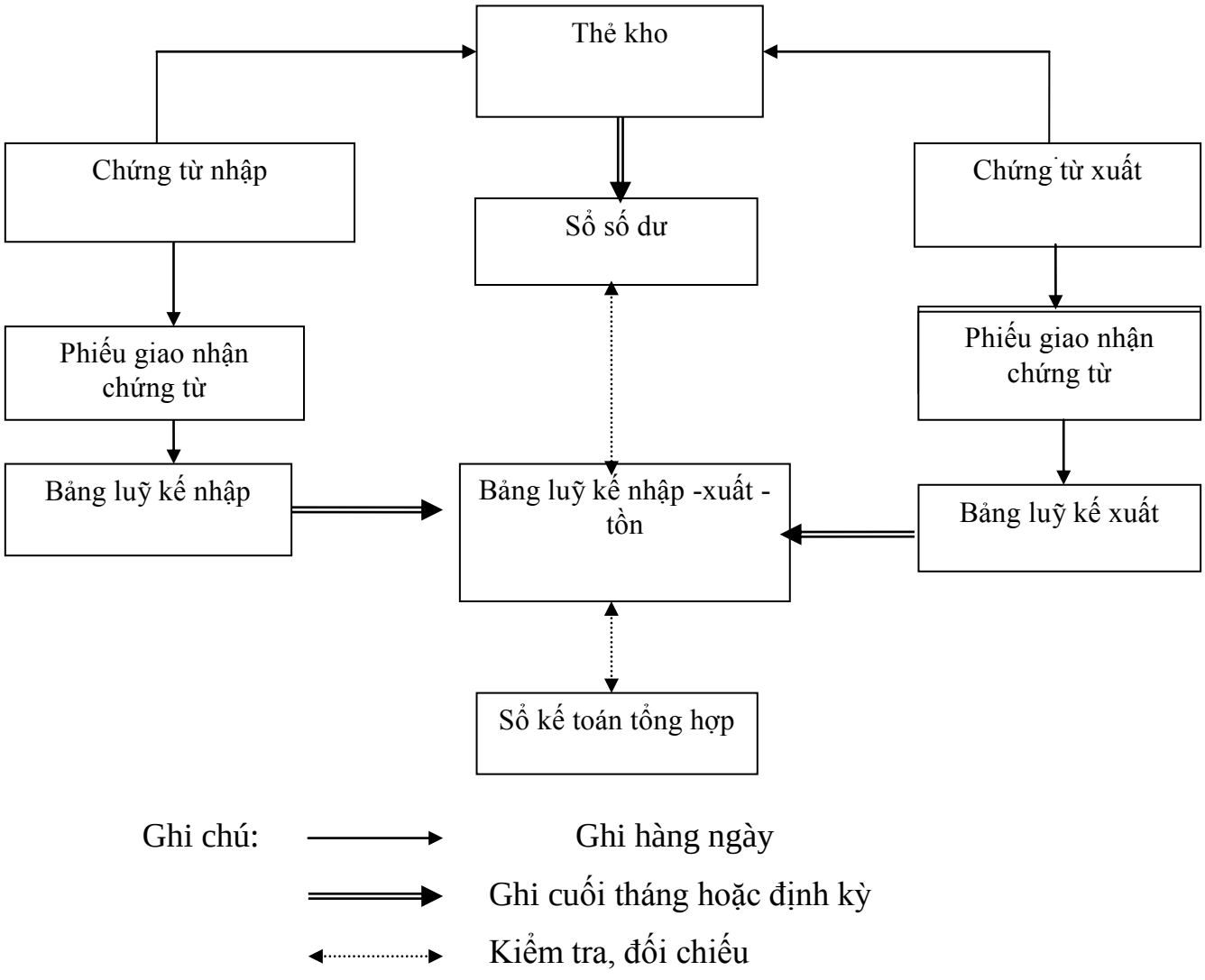

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi số số dư.

(Trương thị Thủy-Ngô thế Chi, 2012) [3,35]

- Ưu điểm: Giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu tiền của nguyên vật liệu theo nhóm và theo loại.

Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.Công việc được dàn đều trong tháng.

- Nhược điểm: Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ nguyên vật liệu nên phải căn cứ vào thẻ kho thì mới có được số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn của từng thứ nguyên vật liệu.

- Điều kiện áp dụng: Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại nguyên vật liệu, tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây đựng được hệ thống giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư hợp lý.(Võ Văn Nhị,2006)[4]

1.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho,xuất kho và tồn kho của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán.

Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hoá. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng trong các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...

1.3.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

1.3.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu, kế toán sử dụng :

- **Tài khoản 152 " Nguyên liệu vật liệu":** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

TK 152 có thể được mở theo dõi chi tiết các TK cấp 2 theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

- **Tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường":** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hoá mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Ngoài các tài khoản trên, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 141, TK 331, TK 411, TK621, TK 627 ....

1.3.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Về cơ bản các nghiệp vụ liên quan tới tăng, giảm nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng tương tự như Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ có một điểm khác đó là:

- Trong giá hàng mua đã có cả thuế GTGT đầu vào, vì vậy kế toán không còn sử dụng tài khoản 133.

- Trong giá hàng bán có cả thuế GTGT đầu ra, vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng tài khoản 3331(chỉ tới cuối kỳ sau khi xác định được số tiền thuế GTGT phải nộp kế toán mới sử dụng tài khoản 3331 để phản ánh định khoản). (3,36)

1.3.3. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho trong kỳ} = \text{Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hoá (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hoá mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản riêng: TK 611 "Mua hàng".

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hoá được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hoá tồn kho thực tế; trị giá vật tư hàng hoá xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK 611 "Mua hàng".

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

1.3.4. Cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.4.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến nguyên vật liệu, ta cần xét theo nhiều khía cạnh như: nhân tố bên trong doanh nghiệp; nhân tố tác động từ bên ngoài; nhân tố trước, trong và sau quá trình sản xuất. Một số nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu đó là:

- Nhu cầu về số lượng loại nguyên vật liệu trong kỳ
- Số lượng sản phẩm hay chi tiết cần sản xuất trong kỳ
- Định mức hao phí nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm hoặc chi tiết
- Đơn giá của nguyên vật liệu

1.3.4.2. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu

- **Phân tích hiệu quả của việc cung ứng vật tư theo số lượng**

Số lượng nguyên vật liệu loại i ($i=\overline{1,n}$) cần mua theo kế hoạch trong kỳ được xác định bằng nhiều cách. Doanh nghiệp có thể tính lượng nguyên vật liệu cần dung theo số lượng thành phẩm hoặc chi tiết cần sản xuất trong kỳ theo công thức:

Mi= q. mi

Theo công thức này có 3 nhân tố ảnh hưởng đến việc cung ứng nguyên vật liệu là:

- Nhu cầu về số lượng loại nguyên vật liệu i trong kỳ
- Số lượng sản phẩm hay chi tiết cần xản xuất trong kỳ
- Định mức hao phí nguyên vật liệu i cho một đơn vị sản phẩm hoặc chi tiết

Trong đó mức hao phí nguyên vật liệu để sản xuất một đơn vị sản phẩm thường được xác định trên cơ cở trọng lượng tịnh của sản phẩm kết hợp với lượng vật liệu tiêu hao do làm ra sản phẩm hỏng và lượng phế liệu phát sinh trong sản xuất.

Mức tiêu hao từng loại NVL để sản xuất 1 đơn vị sản phẩm	=	Lượng NVL sử dụng để tọa thành trọng lượng tịnh của 1 đơn vị sản phẩm	+	Lượng NVL sử dụng để tạo thành phế liệu trong quá trình sản xuất tính trên 1 đơn vị sản phẩm	+	Lượng NVL tạo nên sản phẩm hỏng trong quá trình sản xuất tính trên 1 đơn vị sản phẩm

Định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu sản phẩm thường được xác định trên cơ sở trọng lượng tịnh của sản phẩm kết hợp với lượng vật liệu tiêu hao do làm ra sản phẩm hỏng và lượng phế liệu phát sinh trong sản xuất. Bằng cách xác định ảnh

hưởng của các nhân tố đến mức tiêu hao vật liệu để sản xuất 1 đơn vị sản phẩmẫ biết được nguyên nhân làm mức tiêu hao tăng hoặc giảm.

- **Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nguyên vật liệu**

Chi phí nguyên vật liệu bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu,… mà doanh nghiệp đã chi ra trong kỳ có liên quan đến sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện dịch vụ hay sử dụng cho các nhu cầu chung ở phân xưởng, sử dụng cho bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

Nhân tố ảnh hưởng đến tình hình biến động chi phí nguyên vật liệu gồm có:

- Số lượng và cơ cấu vật liệu sử dụng: Số lượng vật liệu sử dụng là nhân tố có quan hế cùng chiều với chi phí nguyên vật liệu trong điều kiện đơn giá vật liệu không đổi. Số lượng nguyên vật liệu sử dụng càng nhiều thì chi phí nguyên vật liệu tiêu hao càng lớn và ngược lại.

- Đơn giá vật liệu: Đơn giá vật liệu càng cao thì chi phí vật liệu càng lớn và ngược lại. bản thân đơn giá vật liệu cũng chịu ảnh hưởn của khá nhiều nhân tố như giá mua, chi phí thu mua. Vì thế khi phân tích cần đi sâu xem xét tình hình biến động và các nguyên nhân ảnh hưởn đến giá mua, chi phi thu mua nguyên vật liệu. Về giá mua, cần liên hệ xem doanh nghiệp đã tích cực tìm kiếm nguồn hàng, tìm kiếm các loại nguyên vật liệu thay thế với chất lượng và giá cả phù hợp hay chưa. Về chi phí thu mua, do bản thân nhân tố này chịu ảnh hưởng của các nhân tố khác như cước phí vận chuyển bốc dỡ, công tác chi phí của bộ phận thu mua, kho bãi nên cần xem xét ảnh hưởng của từng nhân tố một.

- Giá trị phế liệu thu hồi: Giá trị phế liệu thu hồi có quan hệ ngược chiều về chi phí nguyên vật liệu. Giá trị phế liệu thu hồi càng lớn chi phí nguyên vật liệu càng giảm và ngược lại. Tăng cường thu hồi phế liệu là một biện pháp khá quan trọng nhằm giảm chi phí nguyên liệu trong các doanh nghiệp. Vì thế, khi phân tích cũng cần đi sâu xem xét tình hình phế liệu và thu hồi phế liệu tại doanh nghiệp.

- Đánh giá mức tiêu dùng nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm

Khối lượng nguyên vật liệu dùng cho sản xuất sản phẩm trong kỳ chia

1.3.4.3. Đánh giá hiệu quả việc sử dụng nguyên vật liệu

- **Đánh giá tình hình cung ứng, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiến hành được đều đặn, liên tục phải thường xuyên đảm bảo cho nó các loại nguyên vật liệu được đáp ứng đầy đủ về số lượng, đảm bảo về thời gian, đúng về quy cách, phẩm chất. Đây là một vấn đề

quan trọng vì vậy đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất là một tất yếu khách quan quyết định hiệu quả của việc sử dụng nguyên vật liệu.

Đảm bảo cung ứng, dự trữ, sử dụng tiết kiệm các loại nguyên vật liệu có tác động mạnh mẽ đến các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây chính là điều kiện để nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần sử dụng tiết kiêm nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động. Không những vậy nó còn ảnh hưởng tích cực đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến việc giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, tăng tích lũy cho doanh nghiệp; nhờ đó thời gian xoay vòng vốn nhanh tạo nên một lợi thế cạnh tranh tối ưu nhất cho doanh nghiệp. Vì vậy phải thường xuyên và định kỳ phân tích tình hình cung ứng, sử dụng, dự trữ nguyên vật liệu để đánh giá kịp thời những ưu, nhược điểm trong công tác quản lý vật tư tại doanh nghiệp. Do đó việc cung ứng nguyên vật liệu phải đáp ứng được các yêu cầu như:

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiến hành được liên tục, đều đặn theo đúng kế hoạch.
- Thúc đẩy quá trình luân chuyển nhanh vật tư, sử dụng vốn hợp lý, có hiệu quả và tiết kiệm.

Để đáp ứng được những yêu cầu trên, nhiệm vụ của việc phân tích tình hình cung ứng, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu bao gồm:

- Kiểm tra tình hình cung cấp nguyên vật liệu đối chiếu với tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình kho tàng để kịp thời báo cáo cho bộ phận thu mua có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Phân tích tình hình dự trữ những loại nguyên vật liệu chủ yếu trong doanh nghiệp.
- Phân tích thường xuyên và định kỳ tình hình sử dụng các loại nguyên vật liệu để có biện pháp sử dụng tiết kiêm vật tư.

➢ **Đánh giá tình hình cung cấp nguyên vật ở doanh nghiệp**

Một trong những điều kiện chủ yếu để hoàn thành và vượt mức kế hoạch sản xuất và việc cung cấp nguyên vật liệu phải được tổ chức một cách hợp lý, đam rbaor đủ số lượng, đồng bộ, đúng phẩm chất và đúng thời gian.

- Đánh giá công đoạn cung ứng vật tư (theo số lượng)

Yêu cầu đầu tiên đối với việc cung ứng vật liệu cho sản xuất là phải đảm bảo đủ về số lượng. Nghĩa là nếu cung cấp số lượng quá lớn, dư thừa sẽ gây ra ứ đọng vốn nếu không phải là nguyên vật liệu có tính chất thời vụ do đó sẽ dẫn đến việc sử dụng vốn kém hiệu quả. Nhưng ngược lại nếu cung cấp không đủ về số lượng sẽ ảnh hưởng đễn tính liên tục của quá trình sản xuất, kinh doanh. Thực tế cho thấy các doanh

nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh phần lớn là do thiếu nguyên vật liệu.

Khâu thu mua nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến việc cung ứng nguyên vật liệu, vì vậy nhà quản lí doanh nghiệp luôn phải có những chiến lược và kế hoạch ngắn hạn cũng như dài hạn để thích ứng được với những thay đổi mang tính biến động này. Việc thu mua nguyên vật liệu không hoàn thành kế hoạch có thể do nhiều nguyên nhân:

- Doanh nghiệp giảm hợp đồng sản xuất loại sản phẩm hay chi tiết nào đó. Bởi vậy giảm số lượng nguyên vật liệu cần cung ứng.
- Doanh nghiệp giảm hợp đồng thu mua trên cơ sở tiết kiệm được hap phí nguyên vật liệu đã đạt được.
- Không thực hiện được kế hoạch thu mua do doanh nghiệp khó khăn về tình hình tài chính, khó khăn về phương tiện vận tải hoặc doanh nghiệp dùng nguyên vật liệu thay thế.

- Đánh giá giai đoạn cung ứng nguyên vật liệu (theo chủng loại)

Việc phân tích này được phân tích theo một nguyên tắc đó là theo từng loại nguyên vật liệu chủ yếu. Khi phân tích tình hình cung cấp từng loại nguyên vật liệu chủ yếu cần phân biệt: vật liệu có thế thay thế được và vật liệu không thế thay thế được.

Vật liệu có thế thay thế được: Là loại vật liệu có giá trị sử dụng tương đương, khi sử dụng không làm thay đổi lớn đến chất lượng sản phẩm. Khi phân tích loại vật liệu này ngoài chỉ tiêu về số lượng, chất lượng cần chú ý đến chỉ tiêu chi phí (giá cả các loại vật liệu thay thế).

Vật liệu không thế thay thế được: là loại vật liệu trong thực tế không có vật liệu khác thay thế hoặc nếu thay thế sẽ làm thay đổi tính năng, tác dụng của sản phẩm.

- Đánh giá giai đoạn cung ứng vật liệu (theo chất lượng)

Trong quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, sử dụng nguyên vật liệu đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn về chất lượng là một yêu cầu cần thiết. Bởi vậy nguyên vật liệu tốt hay xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đến năng suất lao động và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do đó, khi nhập nguyên vật liệu phải đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định, đối chiếu với các hợp đồng đã ký để đánh giá nguyên vật liệu đã đáp ứng tiêu chuẩn hay chưa.

- Đánh giá giai đoạn cung ứng nguyên vật liệu (theo tính chất kịp thời)

Cung ứng nguyên vật liệu kịp thời là cung ứng đúng thời gian đặt ra của doanh nghiệp. Thông thường, thời gian cung ứng nguyên vật liệu xuất phát từ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình dự trữ cần cung cấp trong kỳ.

Điều kiên quan trọng để đảm bảo cho việc sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoàn thành tốt và nhịp nhàng là phải cung ứng những loại nguyên vật liệu cần thiết một cách kịp thời trong cả một thời gian dài (tháng, quý, năm).

Trong nhiều trường hợp, nếu xét về mặt khối lượng cung ứng một loại vật tư nào đó trong một kỳ kinh doanh thì doanh nghiệp vẫn đảm bảo nhưng do việc cung ứng không kịp thời đã dẫn đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ngừng trệ vì chờ đợi vật tư.

- **Đánh giá tình hình dự trữ nguyên vật liệu**

Các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến việc dự trữ vật tư cho sản xuất của doanh nghiệp là:

- Lượng vật tư tiêu dùng bình quân trong một ngày đêm. Số lượng này phụ thuộc vào quy mô sản xuất, mức độ chuyên môn hóa của doanh nghiệp và phụ thuộc vào mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm.
- Tình hình tài chính của doanh nghiệp nghĩa là doanh nghiệp có bán và thu được tiền bán hàng hay không.
- Trọng tải và tốc độ của các phương tiện vận chuyển.
- Tính chất thời vụ sản xuất của doanh nghiệp.
- Thuộc tính tự nhiên của các loại vật tư.

Khi phân tích tình hình dữ trữ vật tư cần phân biệt rõ các loại dự trữ. Mỗi loại dự trữ có nội dung và ý nghĩa kinh tế khác nhau. Do đóm yếu cầu phân tích cũng khác nhau, có 3 loại dự trữ:

+ Dự trữ thường xuyên: Dùng để đảm bảo vật tư cho sản xuất của doanh nghiệp được tiến hành liên tục giữa hai kỳ cung ứng nối tiếp nhau của bộ phận cung ứng. Dự trữ thường xuyên dùng để bảo đảm vật tư cho sản xuất của doanh nghiệp tiến hành được liên tục với điều kiện lượng vật tư thực tế nhập vào và lượng vật tư thực tế xuất kho ra hàng ngày trùng với kế hoạch.

+ Dự trữ bảo hiểm: Được biểu hiện trong trường hợp mức tiêu dùng vật tư bình quân trong một ngày đêm thực tế cao hơn so với kế hoạch. Điều này thường xảy ra khi có sự thay đổi kế hoạch sản xuất theo chiều sâu hoặc kế hoạch sản xuất không thay đổi nhưng mức tiêu hao nguyên vật liệu bình quân tăng lên.

Trên thực tế sự hình thành dự trữ bảo hiểm chủ yếu là do nguyên nhân cung ứng vật tư không ổn định. Chính vì vậy, các doanh nghiệp phải tổ chức khâu cung ứng để đảm bảo đến mức tối đa dự trữ bảo hiểm, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động nhưng không thế không có dự trữ bảo hiểm.

+ Dự trữ theo thời vụ: Dự trữ theo thời vụ để dảm bảo quá trình sản xuất, kinh doanh được tiến hành liên tục, đặc biệt là vào mùa vụ. Các doanh nghiệp sản xuất theo thời vụ như: thuốc là, mía, đường, chè,…đến vụ thu hoạch nguyên vật liệu cần xác định, tính toán khối lượng vật tư thu mua để dự trữ đảm bảo cho kế hoạch sản xuất cả năm. Khối lượng nguyên vật liệu thu mua này trước khi đưa nhập kho cần phân loại, sang lọc, ngâm tẩy, sấy khô, thái cắt và những công việc sơ chế khác. Có như vậy, mới đảm bảo chất lượng vật tư dự trữ, trước khi đưa vào tiêu dùng cho sản xuất sản phẩm.

- **Đánh giá tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.**

Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu là một trong những mục tiêu cơ bản để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng mức lợi nhuận cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm phải được tiến hành thường xuyên, định kì trên tất cả các mặt: khối lượng nguyên vật liệu, định mức tiêu hao nguyên vật liệu để sản xuất ra đơn vị sản phẩm.

Đánh giá tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm

Để phân tích tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu cần xác định chỉ tiêu nguyên vật liệu dùng cho sản xuất sản phẩm:

Lượng NVL dùng cho sản xuất sản phẩm = Lượng NVL xuất cho sản xuất sản phẩm - Lượng NVL còn lại hoặc chưa dùng đến

Lượng nguyên vật liệu còn lại chưa dùng đến cuối kỳ thường có sự chênh lệch không đáng kể. Nếu lượng nguyên vật liệu còn lại chưa hoặc không dùng đến bằng 0 thì lượng nguyên vật liệu dùng cho sản xuất sản phẩm bằng lượng nguyên vật liệu xuất cho sản xuất sản phẩm.

Để phân tích mức độ đảm bảo khối lượng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm:

$$\text{Hệ số đảm bảo NVL cho sản xuất} = \frac{\text{Lượng NVL dự trữ đầu kỳ} + \text{Lượng NVL nhập trong kỳ}}{\text{Lượng NVL cần dùng trong kỳ}}$$

làm 3 bộ phận chủ yếu:

- Bộ phận cơ bản tiêu dùng để tạo thành thực thể hoặc trọng lượng tịnh của sản phẩm hoàn thành.
- Bộ phận tạo thành phế liệu, dư liệu trong quá trình sản xuất sản phẩm.
- Bộ phận tạo thành sản phẩm hỏng trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Đánh giá tình hình biến động tổng mức chi phí nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm

Để phân tích chỉ tiêu này ta cần phân tích tổng mức cho phí nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm và phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu qua các công đoạn sản xuất.

Quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp thường phải trải qua nhiều công đoạn sản xuất. Nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình này có thể cung cấp cho từng công đoạn sản xuất đầu tiên của quá trình sản xuất. Cứ qua mỗi công đoạn sản xuất phế liệu, phế phẩm cũng sinh ra làm hao hụt nguyên vật liệu bởi vậy cần phải phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp gồm nhiều công đoạn sản xuất nối tiếp nhau mà mức độ sử dụng là tiết kiệm hay vượt chi ở mỗi công đoạn sản xuất đó.

- Mối liên hệ giữa tình hình cung cấp, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu đến kết quan sản xuất kinh doanh.

Việc cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm đảm bảo tốt thì kết quả sản xuất của doanh nghiệp sẽ cao.

$$\text{Khối lượng sản phẩm sản xuất} = \frac{\text{Khối lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Khối lượng NVL nhập kho trong kỳ} - \text{Khối lượng nguyên vật liệu dự trữ cuối kỳ}}{\text{Mức tiêu hao NVL 1 đơn vị sản phẩm}}$$

CHƯƠNG 2
TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC.

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp xã Gia Minh – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200774804
- Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất -Thương mại - Dịch vụ.

2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Ngày 10 tháng 12 năm 2007 Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc chính thức thành lập theo giấy phép số 095 GP/TLDN do UBND.TP Hải Phòng cấp. Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, ngành nghề kinh doanh của công ty được quy định như sau:

- Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất gốm xây dựng; hiện tại là các sản phẩm gạch 2 lỗ, gạch 6 lỗ, gạch 4 lỗ, gạch lát nền (gạch đỏ), và ngói.
- Ngành phụ kinh doanh như: vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa xây dựng và dịch vụ tư vấn công trình dân dụng và khu công nghiệp.

Tài khoản giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng Techcombank tại Hải Phòng.

Tóm lại, với những kết quả kinh doanh đáng khích lệ như trên, công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc đã bảo toàn và sử dụng tốt nguồn vốn của mình, đảm bảo thu nhập cho đơn vị và cho người lao động, thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội mà công ty đã đặt ra.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.

2.1.2.1. Chức năng của công ty.

Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực kinh doanh như:

- Ngành nghề chính là sản xuất gốm xây dựng, hiện tại là các sản phẩm: Gạch 2 lỗ, gạch 6 lỗ, gạch 6 lỗ nửa (một nửa gạch 6 lỗ), gạch 3 lỗ chống nóng, gạch 4 lỗ, ngói,…

- Ngảnh nghề phụ như kinh doanh vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa xây dựng và dịch vụ tư vấn công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng như cát, sỏi, đất, đất sét,…

2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty.

Do ngành nghề kinh doanh là gốm XD nên công ty có nhiệm vụ cung cấp cho thị trường những sản phẩm gốm xây dựng có chất lượng tốt, làm hài lòng khách hàng và ngày càng đáp ứng được nhu cầu thị trường. Là một doanh nghiệp mới ra đời và phát triển trong 3 năm nhưng công ty không ngừng phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần xây dựng những công trình dân dụng và công nghiệp cho Hải Phòng và một số tỉnh lân cận như: Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định,…

2.1.3. Đặc điểm sản phẩm, công nghệ sản xuất.

2.1.3.1. Đặc điểm sản phẩm.

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc bao gồm các sản phẩm: Gạch (gạch 6 lỗ, 6 lỗ nửa, 4 lỗ, 2 lỗ), ngói (ngói trang trí), gạch lát nền (gạch đỏ).

2.1.3.2. Công nghệ sản xuất.

Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc trải qua nhiều giai đoạn khác nhau thể hiện qua sơ đồ:

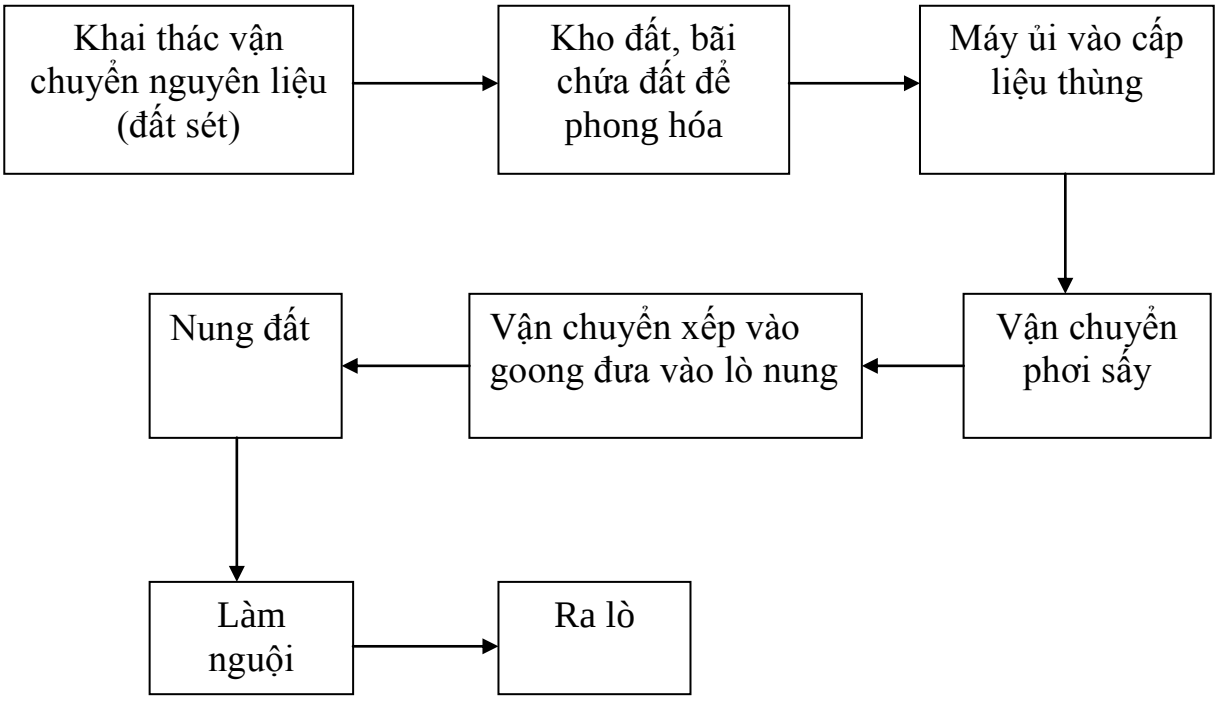

Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ và sản xuất của công ty TNHH Gốm Xây dựng Đá Bạc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty nên công ty có cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng – quan hệ chỉ đạo từ trên xuống dưới.

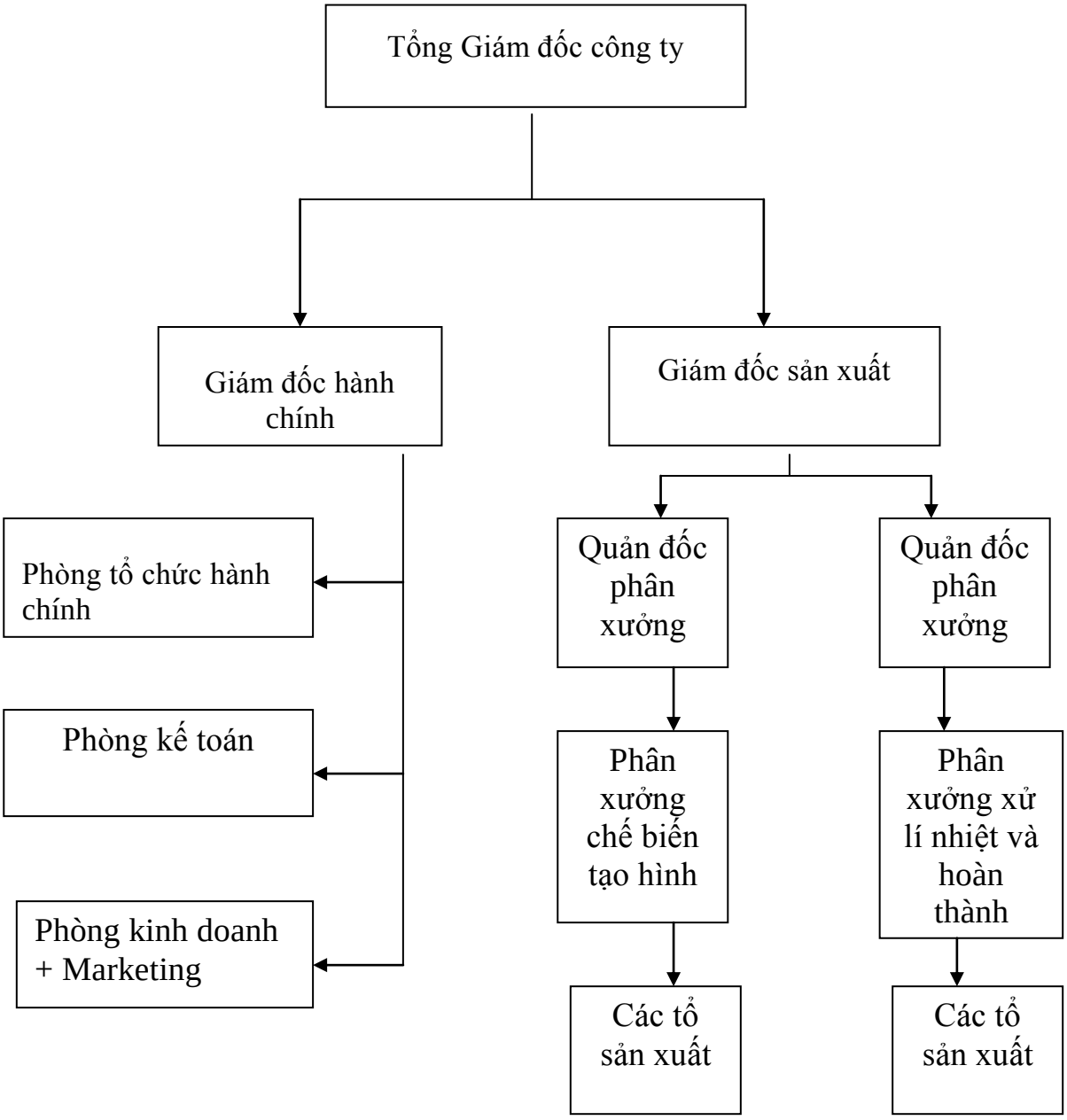

Sơ đồ 2.2. Bộ máy quản lý của công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

+ Tổng Giám đốc công ty: Là đại diện pháp nhân của công ty trước Pháp luật và là người điều hành cao nhất của công ty, đại diện cho quyền lợi của toàn bộ công nhân viên, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

+ **Phó Giám đốc sản xuất (PGĐ SX):** Là người chịu trách nhiệm quản lý theo dõi việc sản xuất sản phẩm, theo dõi kiểm tra chất lượng gạch ngói sau khi ra lò. Đồng thời phụ trách việc hoạch định và thực hiện chính sách chất lượng.

+ **Phó Giám đốc hành chính (PGĐ HC):** Là người tham mưu cho giám đốc công ty về bộ máy SXKD và bố trí nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty.

+ **Các quản đốc phân xưởng:**

Có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra công nhân trong từng phân xưởng làm việc theo dây chuyền sản xuất.

Gồm:

- Quản đốc phân xưởng Cơ điện và Chế biến tạo hình
- Quản đốc phân xưởng Xếp đốt và phân loại sản phẩm

+ Phòng Tổ chức hành chính: Quản lí lao động tiền lương và thanh tra, bảo vệ, thực hiện các chế dộ chính sách của Nhà nước có liên quan đến người lao động, tiếp nhận công nhân viên và ký hợp đồng lao động.

+ Phòng kế toán: Thực hiện chức năng tham mưu cho giám đốc trong công tác tài chính và quản lý kinh tế của công ty, giúp giám đốc tổ chức và chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thông tin kinh tế tài chính trong phạm vi toàn công ty. Phản ánh và giám sát chi phí giá thành, thu hồi tiền, thu hồi công nợ, đôn đốc khách hàng thanh toán đầy đủ, tránh hiện tượng chiếm dụng vốn. Thông tin chính xác về giá vốn hàng hóa tiêu thụ.

+ Phòng kinh doanh và Marketing: Là cơ quan chuyên môn, có chức năng tham mưu giúp giám đốc về các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh và quản lý chất lượng hàng hóa của công ty. Thực hiện việc mua bán mà công ty giao cho bao gồm cả việc tìm kiếm thị trường đầu vào và đầu ra cho hoạt động kinh doanh của công ty.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Công tác kế toán do các nhân viên trong phòng kế toán thực hiện bao gồm các công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính, lập báo cáo kế koán, phân tích thông tin đề xuất phương án.

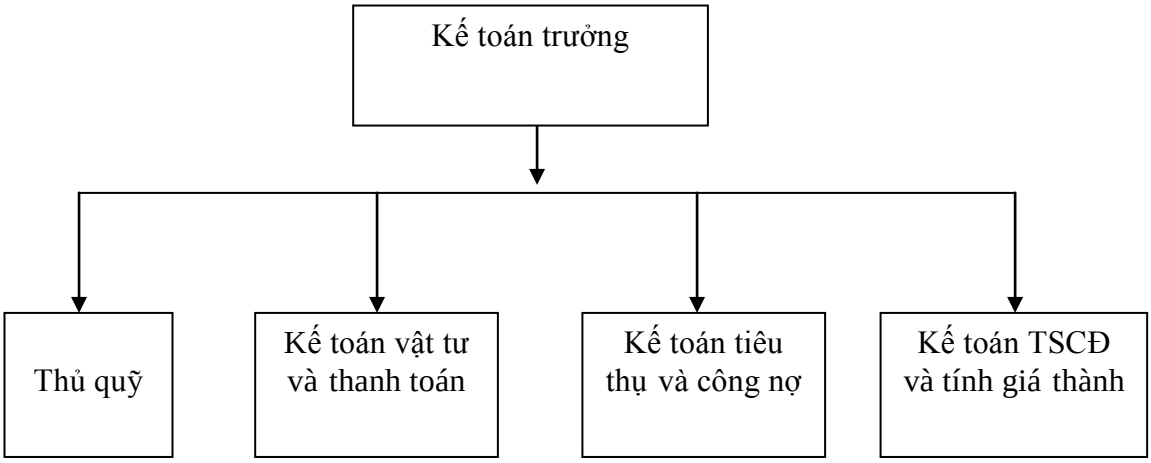

Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức kế toán tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng, kế toán trưởng kiêm kế toán tiền lương và kế toán tổng hợp, có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi chung tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, BHTN ...với các cán bộ công nhân trong toàn công ty, đồng thời tổng hợp số liệu, giám sát đôn đốc kế toán phần hành. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho mọi hoạt động tương lai của công ty.

- Kế toán nguyên vật liệu kiêm kế toán thanh toán với người bán: Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho đối với nguyên vật liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán đối với nhà cung cấp.

- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

- Kế toán tài sản cố định kiêm kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, đồng thời tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Các tài khoản sử dụng: TK 221, TK 213, TK 621, TK 622, TK 627...

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.5.2. Hình thức kế toán.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc đã lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ:

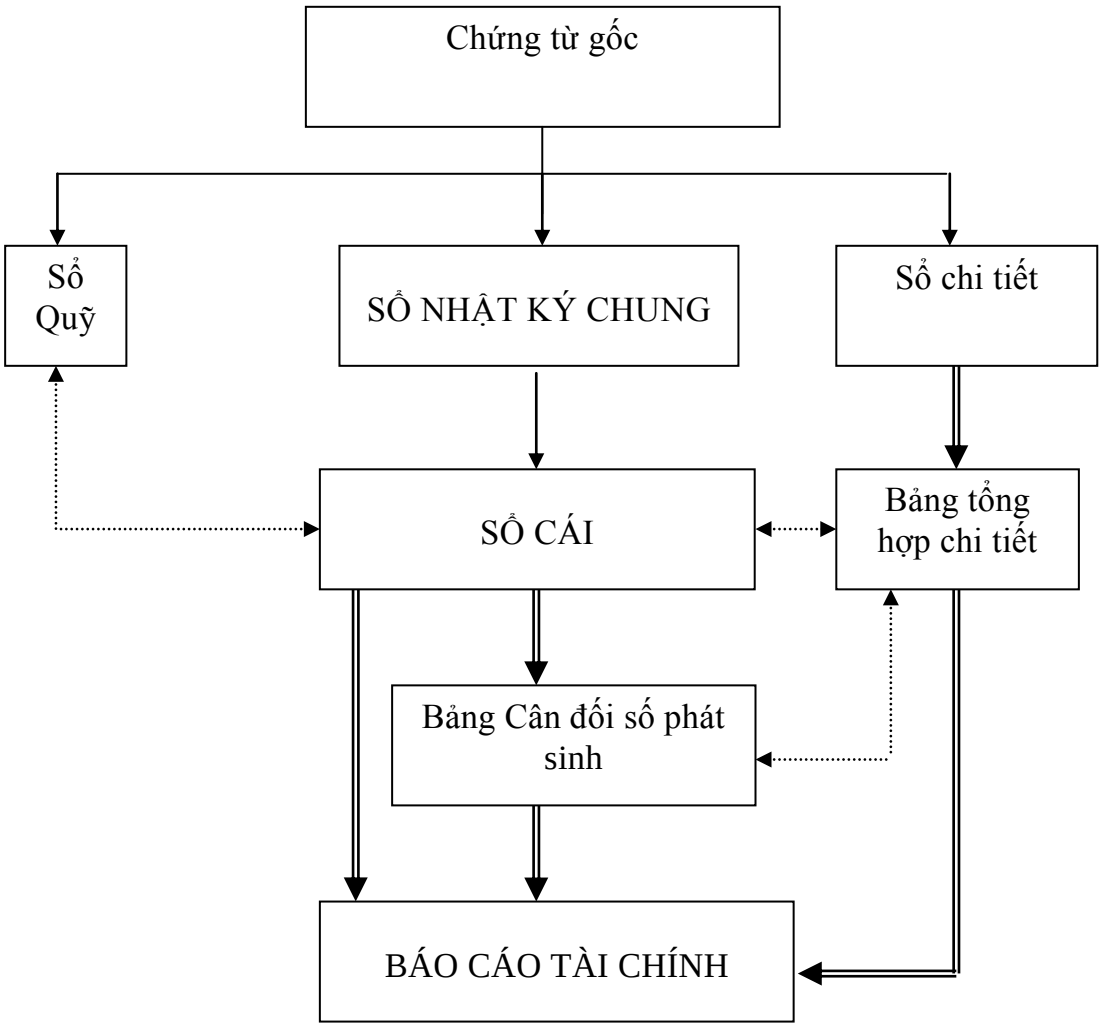

Ghi chú: ——→ Ghi hàng ngày

═══→ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

←·····→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ2.4.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

* *Phương pháp tính thuế GTGT* áp dụng tại công ty là phương pháp khấu trừ thuế.

* *Phương pháp kế toán hàng tồn kho:* phương pháp kê khai thường xuyên.

* *Phương pháp tính giá hàng tồn kho*: phương pháp bình quân gia quyền cả kì.

* *Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định*: phương pháp khấu hao đều

* *Niên độ kế toán:* Theo năm tính từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 .

* *Đơn vị tiền hạch toán:* Đồng Việt Nam.

* Chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán áp dụng theo quyết định số 15/2006-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.2.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại công ty.

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc sản xuất sản phẩm như gạch ngói xây dựng, vì thế công ty phải sử dụng một khối lượng lớn về vật liệu. Các loại nguyên vật liệu này đa dạng về chủng loại, quy cách. Sự biến động của nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên, do đó đòi hỏi sự chú trọng trong việc lựa chọn phương pháp quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu của công ty được nhập kho hoàn toàn là do mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh. Đất chủ yếu được mua từ các xã lân cận sau đó vận chuyển về công ty. Ngoài ra, các nguyên vật liệu khác được công ty mua từ các công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn.

Để đảm bảo tiến độ sản xuất, nguyên vật liệu cần phải được cung cấp một cách kịp thời đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng, thoả mãn cho nhu cầu sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu phải cung cấp được thông tin một cách kịp thời, có hệ thống để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, cho việc lập kế hoạch thu mua vật liệu cũng như công tác tính giá thành sản phẩm.

Gắn với những đặc điểm riêng của mình, công ty đã lựa chọn kế toán tổng hợp nguyên liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng phương pháp ghi thẻ song song.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Tuỳ từng doanh nghiệp sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau, nhưng do đặc tính sử dụng và công dụng gần như nhau trong quá trình chế biến nên nguyên vật liệu của công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc được chia thành 2 loại, đó là:

- Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm bao gồm: đất sét, than cám, than bùn...; chiếm 65% trong quá trình sản xuất ra sản phẩm

- Nguyên vật liệu phụ: Là những vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ làm tăng chất lượng, hoàn chỉnh sản phẩm trong quá trình sản xuất như: than dầu, than lẫn đá, bột Fric, bột Borach.

- Nhiên liệu: dầu Diezen, xăng A92, dầu CN92

2.2.2. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu, đánh giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.2.2.1. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu.

- Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho đối với nguyên vật liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

- Tham gia vào công tác kiểm kê và lập báo cáo nhằm giúp các nhà quản lý nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản nguyên vật liệu, các định mức dự trữ và định mức tiêu hao...áp dụng những biện pháp cụ thể nhằm theo dõi kịp thời quá trình biến động của nguyên vật liệu.

2.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty.

Khi đánh giá nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc.

- Nguyên tắc thận trọng.

- Nguyên tắc nhất quán.

2.2.3. Phương pháp xác định giá các yếu tố nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.2.3.1. Xác định giá thực tế của vật liệu nhập kho.

Nguồn nhập nguyên liệu của công ty nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài (mua trong nước) không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh. Vì là đơn vị sản xuất kinh

doanh chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho là giá chưa có thuế GTGT.

Phần lớn, nguyên vật liệu mua ngoài theo hợp đồng kinh tế và được giao nhận tại kho, nên chi phí vận chuyển, bốc xếp do bên bán chịu. Trong trường hợp này, trị giá vốn thực tế nhập kho là giá mua ghi trên hoá đơn chưa có thuế GTGT.

Trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho = Số lượng nguyên vật liệu nhập kho x Đơn giá mua ghi trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT)

Ví dụ 2.1: Căn cứ vào HĐGTGT số 000539 của Công ty TNHH Thanh Tuyền, ngày 02/12/2013 bán 3000 m³ đất sét:

Giá chưa có thuế : 246.000.000 đ

Thuế GTGT (thuế suất 10%) : 24.600.000 đ

Tổng giá thanh toán : 270.600.000 đ

Theo thoả thuận thì toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Với tài liệu trên, công ty tính giá thực tế nhập kho của 3000 m³ đất sét là 246.000.000 đ, tức bằng giá mua chưa có thuế GTGT.

2.2.3.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Nguyên vật liệu mua về nhập kho rồi mới đưa vào sản xuất. Để xác định trị giá vốn xuất kho của nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp "Bình quân gia quyền cả kỳ".

$$\text{ĐGBQ Cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Sau đó, căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho để tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho.

Trị giá NVL xuất kho = ĐGBQ cả kỳ x Số lượng NVL xuất kho

Ví dụ 2.3: Tháng 12/2013, công ty có tình hình nhập - xuất - tồn dầu Diesel như sau:

Số lượng tồn kho đầu tháng 12/2013: 300 lít Thành tiền: 6.450.000 đ

Trong kỳ:

Nhập kho: 4000 lít Thành tiền: 88.400.000 đ

Xuất kho: 3000 lít

Với tài liệu trên, công ty tính trị giá vốn thực tế xuất kho của nguyên vật liệu xuất kho của dầu Diesel như sau:

$$\text{ĐGBQ cả kỳ} = \frac{6.450.000 + 88.400.000}{300 + 4000} = 22.058 \text{ đ/lít}$$

Trị giá vốn thực tế của dầu Diesel xuất kho trong tháng 12/2013 là:

$$3000 \times 22.058 = 66.174.000 \text{ đ}$$

2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho....được luân chuyển và xử lý một cách khoa học.

Tại công ty, nguyên vật liệu nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài. Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết , quy cách chủng loại,...để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.

Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng , sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, sổ nhật ký chung...

Khi nguyên vật liệu về tới công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và đối chiếu với hợp đồng đã ký với các nhà cung cấp, sau đó tiến hành các thủ tục nhập kho. Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng khi tổ chức vận chuyển, bốc xếp vật liệu vào kho. Trong trường hợp nếu phát hiện vật tư kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư cùng với bộ phận KCS tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời. Sau đó, sẽ được ghi vào phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 2.2), Phòng kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.3) giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho gồm 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng vật tư.
- Liên 2: Giao cho người giao hàng.
- Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.

Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hoá đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu "Đơn giá" và "Thành tiền" trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hoá đơn GTGT ....kế toán ghi sổ nhật ký chung.

Mặt khác, phiếu nhập kho sau khi hoàn chỉnh được dùng làm căn cứ để ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.8).

Ví dụ 2.4: Ngày 02/12/2013 công ty mua 3000 m^3 đất sét của Công ty TNHH Thanh Tuyền. Đơn giá chưa có thuế GTGT 10% là 82.000 đ/tấn. Công ty chưa thanh toán.

- Hoá đơn GTGT (Biểu số 2.1);
- Phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 2.2);
- Phiếu nhập kho (Biểu số 2.3).

Ngày 02/12/2013 công ty nhận được hoá đơn GTGT của Công ty TNHH Thanh Tuyền.

Biểu số 2.1:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT3/ 001
Ký hiệu: AA/ 13P
000539

Ngày 02 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THANH TUYỀN
Địa chỉ: Đc: Xã Đức Chính - Đông Triều - Quảng Ninh
Số tài khoản: MST: 0200435056
Điện thoại: ..... MS

Họ tên người mua hàng: **Vũ Thị Nhung**
Tên đơn vị: **Công ty TNHH gốm XD Đá Bạc**
Địa chỉ: **Cụm CN Gia Minh – Thuỷ Nguyên – Hải Phòng**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: ..... MS: **0 2 0 0 7 4 4 8 0 4**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1,	Đất sét	m^3	3000	82.000	246.000.000
	Cộng				

	Cộng tiền hàng:	**246.000.000**
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:	**24.600.000**
	Tổng cộng tiền thanh toán	**270.600.000**

Số tiền viết bằng chữ: ***Hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.\.***

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Căn cứ vào hóa đơn GTGT công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư:

Biểu số 2.2:

Đơn vị: Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc
Địa chỉ: Cụm CN Gia Minh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ HÀNG HÓA

Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2013

Ban kiểm nghiệm gồm có:

1. Ông Lê Anh Đức: Cán bộ kĩ thuật
2. Ông Phạm Anh Tuấn: Thủ kho
3. Bà Lê Thị Thúy Hòa: Kế toán viên

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	SL theo hợp đồng	Kết quả kiểm nghiệm	
					Số lượng quy cách đúng phẩm chất	Số lượng quy cách không đúng phẩm chất
1	Đất sét	Chọn mẫu	m^3	3000	3000	0

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Sau khi kiểm nghiệm vật tư hàng hóa về nhập kho, thấy số lượng vật tư đầy đủ, đúng chủng loại theo quy cách phẩm chất.

Ngày 02 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng	Thủ kho	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn, phòng kế toán lập phiếu nhập kho nguyên vật liệu.

Biểu số 2.3:

CÔNG TY TNHH GỐM XD Đá Bạc

Mẫu số 01 - VT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

PHIẾU NHẬP KHO

NỢ 152
CÓ 112

Ngày 02 tháng 12 năm 2013
Số: 1144

Họ tên người giao hàng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH TUYỀN**

Theo: **HĐ GTGT** số **000539** ngày **02** tháng **12** năm **2013**

Lý do nhập: Để sản xuất gạch

Nhập tại kho: **Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc**

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đất sét		m^3	3000	3000	82.000	246.000.000
	Cộng:			3000	3000	82.000	246.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): ***Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng chẵn.***

*Nhập, ngày **02** tháng **12** năm **2013***

Phụ trách cung tiêu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Người lập
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

2.2.4.2. Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Ở công ty, xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu là cho sản xuất sản phẩm, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ liên quan tới nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

Các chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất nguyên vật liệu, lệnh sản xuất, phiếu xin lĩnh vật tư...

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất trong ngày, phân xưởng sản xuất lập "phiếu xin lĩnh vật tư" (Biểu số 2.4) hoặc "phiếu xin lĩnh vật tư theo hạn mức". Phiếu này sẽ ghi rõ họ tên người lĩnh, chi tiết loại vật tư, số lượng. Ngoài ra, có thể kèm theo "phiếu lệnh sản xuất" xác định tên sản phẩm sản xuất, tổng số mẻ, và loại đóng gói bao gồm hai cột: kế hoạch và thực hiện, trên đó có chữ ký của người viết lệnh, người nhận, người giám sát sản xuất.

Sau khi đã thông qua phòng cung ứng vật tư, xét thấy nhu cầu hợp lý, kế toán sẽ viết phiếu xuất kho (biểu số 2.5, 2.6) theo số lượng yêu cầu của phân xưởng. Phiếu xuất kho có thể lập riêng cho từng thứ nguyên vật liệu hoặc lập cho nhiều loại cùng kho. Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Thủ kho giữ (liên gốc), làm căn cứ ghi vào sổ theo dõi dưới kho.
- Liên 2: Được gửi cho kế toán làm căn cứ ghi vào sổ.

Sau đó, thủ kho sẽ tổ chức giám sát công nhân lấy nguyên vật liệu trong kho theo yêu cầu.

Ví dụ 2.5: Ngày 05/12/2013, phân xưởng sản xuất có nhu cầu đất sét, phiếu xin lĩnh vật tư được viết như sau:

Biểu số 2.4:

Đơn vị: Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc
Địa chỉ: Cụm CN Gia Minh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN LĨNH VẬT TƯ

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc
Phòng Kế hoạch vật tư

Tên tôi là: Nguyễn Văn Long – Tổ trưởng tổ sản xuất

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
I		Nguyên vật liệu		
1		Đất sét	m^3	1000
2				
3				
4				
5				

Thủ trưởng đơn vị	**Phòng kỹ thuật**	**Phụ trách bộ phận**	**Người yêu cầu**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Biểu số 2.5:

CÔNG TY TNHH GỐM XD ĐÁ BẠC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2013

SỐ: 1243

Mẫu số 02 - VT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Tài chính

NỢ 621
CÓ 152

Họ tên người nhận hàng: **Đào Văn Toàn**

Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: Nguyên vật liệu ĐVT: *đồng*

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1,	Đất sét		m^3	1000	1000		
	Cộng:			1000	1000		

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

*Ngày **03** tháng **12** năm **2013***

Người lập	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán công ty trong việc quản lý vật tư. Mà ở đó, thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng, còn kế toán kiểm soát cả về mặt số lượng và giá trị.

Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp, đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu.

Quá trình nhập xuất của công ty lại diễn ra thường xuyên, liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

- Ở kho:

Thủ kho sử dụng Thẻ kho (Biểu số 2.7) để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép cho một thứ nguyên vật liệu. Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập (xuất) nguyên vật liệu phát sinh sau khi thực hiện công việc nhập kho (xuất kho) thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào Phiếu nhập kho (Phiếu xuất kho). Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho thủ kho ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột "tồn" của thẻ kho.Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau khi được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản đề giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Ở phòng kế toán:

Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết (Biểu số 2.8) để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Hàng tuần, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT(của người bán), các chứng từ khác liên quan để

tính ra ‘‘Đơn giá’’ và ‘‘Thành tiền’’. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính ‘‘Đơn giá’’ cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.8). Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty theo phương pháp thẻ song song. Cụ thể là :

+ Ở kho: Thủ kho dùng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Danh điểm vật tư là mã sổ chi tiết cho từng loại vật tư.

Khi nhận chứng từ nhập, xuất vật tư thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi các chứng từ nhập - xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập - xuất cho từng thứ vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) chi tiết vật tư. Mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó tiến hành đối chiếu:

+ Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.

+ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp chi tiết vật liệu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

+ Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Có thể khái quát nội dung, trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song theo sơ đồ sau:

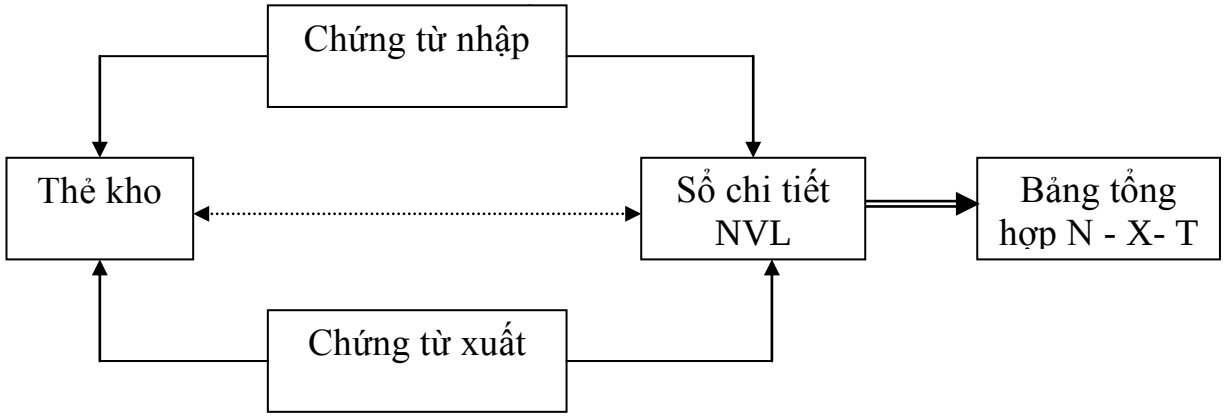

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.5: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Ví dụ 2.6: Căn cứ vào phiếu nhập số 1144, phiếu xuất 1243 và các phiếu nhập, phiếu xuất đất sét trong tháng 12/2013, thủ kho ghi thẻ nguyên liệu đất sét.

Biểu số 2.7:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc **Mẫu số S12 - DN**

Cụm CN Gia Minh - Thủy Nguyên - Hải Phòng QĐ 15/2006- BTC

Ngày 20/03/2006

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2013

Tờ số: 05

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Đất sét.

Đơn vị tính: m^3

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Chữ kí xác nhận của kế toán
	Ngày	Số			Nhập	Xuất	Tồn	
			Dư đầu tháng				**460**	
1	02/12	1144	Nhập kho	02/12	3000		3460	
2	03/12	1243	Xuất kho sản xuất	03/12		1000	2460	
3	05/12	1249	Xuất kho sản xuất	05/12		500	1960	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng số phát sinh		16000	10000		
			Dư cuối tháng				**6460**	

Thủ kho

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Biểu số 2.8:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc Mẫu số S10- DN

Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - Hải Phòng QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Năm: 2013

Đơn vị tính: m^3

Tên vật liệu: Đất sét - Tài khoản: 152

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	Ngày				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Tồn ngày 30/11		**80.000**					**460**	**36.800.000**
		Phát sinh trong kỳ								
HĐ 000539	02/12	Mua đất sét thanh toán bằng TGNH	112	82.000	3000	246.000.000				
PX 1243	03/12	Xuất kho phục vụ sản xuất sp	621				1000			
PX 1249	05/12	Xuất kho phục vụ sản xuất sp	621				500			
		.....			...	...	...	...		
PX 1332	31/12	Xuất kho phục vụ sản xuất sp	621				500			
		Cộng phát sinh		82.309	16000	1.318.000.000	10000	823.090.000		
		Tồn ngày 31/12							**6460**	**531.710.000**

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Cuối tháng, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu với sổ trên thẻ kho, nếu khớp nhau (về số lượng) thì các số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu được dùng để lập "Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu" (Biểu số 2.9).

Biểu số 2.9:

Đơn vị: Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc
Địa chỉ: Cụm CN Gia Minh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CCDC, SP HH

Từ ngày 01/12/2013 đến ngày 31/12/2013

TK: 152 ĐVT: *đồng*

Danh điểm NVL	Tên NVL	ĐVT	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Đất sét	m^3	460	36.800.000	16000	1.318.000.000	10000	823.090.000	6460	531.710.000
2	Dầu diesel	Lít	300	6.450.000	4000	88.400.000	3000	66.174.000	1300	28.676.000
3	Dầu thủy lực	Lít	100	3.314.500	5000	162.650.000	2000	65.084.000	3100	100.880.500
4	Than pha	Tấn	100	98.619.600	1000	990.000.000	500	494.827.000	600	593.792.600
5	Xỉ than	m^3	300	75.010.800	1000	250.000.000	800	200.006.400	500	125.004.400
6	Bã xít phụ phẩm	Tấn	300	46.338.900	2000	311.000.000	1000	155.365.000	1300	201.973.900
7	.....	....								
8	.....	....								
	Tổng cộng			866.533.000		4.120.050.500		3.404.546.000		1.582.037.500

2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.2.6.1. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

a. Tài khoản sử dụng

Tại công ty, kế toán nguyên vật liệu sử dụng một số TK sau:

TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

- Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

+ TK 111: Tiền mặt.

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

+ TK 331: Phải trả cho người bán.

+ TK.....

- Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

+ TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ TK 627: Chi phí sản xuất chung.

+ TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang.

+ TK.....

b. Sổ sách sử dụng

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Chính vì vậy các loại sổ sách kế toán của công ty sử dụng đều phải tuân theo những quy định chung của hình thức này, bao gồm:

- Sổ cái TK 152- Nguyên liệu, vật liệu.

- Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Các sổ liên quan khác như sổ chi tiết phải trả nhà cung cấp vật tư, các bảng tổng hợp chứng từ gốc...

2.2.6.2. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

Do nguyên vật liệu của công ty được nhập hoàn toàn từ mua ngoài nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa công ty và các nhà cung cấp vật tư. Đối với những vật tư mua lẻ có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Còn đối với những vật tư có giá trị lớn, công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh đó,

công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty.

Ví dụ 1: *Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.*

Ngày 08 tháng 12 năm 2013, công ty mua 1000 tấn xỉ than của công ty TNHH Hải Hà theo hoá đơn GTGT 066716. Tổng số tiền thanh toán là 275.000.000 đồng. Trong đó, đơn giá mua chưa có VAT 10% là 250.000đ/tấn, công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 066716 (Biểu số 2.10):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi, lệnh chi (Biểu số 2.11) của ngân hàng để định khoản.

- Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12), từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái TK 152 (Biểu số 2.13).

Biểu số 2.10:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT3/001
Ký hiệu: AA/ 13P
066716

Ngày 08 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: .....
Địa chỉ: .....
Số tài khoản: .....
Điện thoại: ..... MS

CÔNG TY TNHH Hải Hà
Đc: Thủy Đường- Thủy Nguyên – Hải Phòng
MST: 0200237005

Họ tên người mua hàng: **Hà Thị Lệ**
Tên đơn vị: **Công ty TNHH gốm XD Đá Bạc**
Địa chỉ: **Cụm CN Gia Minh – Thuỷ Nguyên – Hải Phòng**
Số tài khoản: .....
Hình thức thanh toán: **CK** MS: **0 2 0 0 7 4 4 8 0 4**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1,	Xỉ than	m^3	1000	250.000	250.000.000
	Cộng				

	Cộng tiền hàng:	**250.000.000**
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:	**25.000.000**
	Tổng cộng tiền thanh toán	**275.000.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn.\.**

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Biểu số 2.11:

NGÂN HÀNG TECHCOMBANK HẢI PHÒNG Liên 1/copy 1

Số /No: 08R18

LỆNH CHI

PAYMENT ORDER

Ngày /Date: 08/12/2013

Đơn vị trả tiền /Payer: Công ty TNHH Hải Hà

Tk nợ / Debit AC : 102010000207186

Ngân hàng / With bank : Techcombank Hải Phòng .

Số tiền bằng chữ : Hai trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn.

Số tiền bằng số 275.000.000

.

Tên đơn vị trả / Payee : Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc

Tk có / order /AC : 3408659

Tại ngân hàng /With bank : Techcombank Hải Phòng

Nội dung : Trả tiền mua hàng.

Ngày hạch toán / Date counting date: 08/12/2013

Đơn vị trả tiền / Payer

Giao dịch viên	**Kiểm soát viên**	**Kế toán**	**Chủ tài khoản**
Teller	Supervisor	Accountant	A/C holder

(Mẫu số 07/NHCT 13)

Biểu số 2.12:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
Cụm CN Xã Gia Minh - Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03a - DN
QĐ 15/2006- BTC
Ngày 20/3/2006

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2013

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				**1.067.500.450**	**1.067.500.450**
...	...	...	.....	...	...	...		
04/12	PC 1820	04/12	Chi tiền tiếp khách	✓		642	2.000.000	
				✓		1111		2.000.000
04/12	HĐ 006692	04/12	Mua bã xít phụ phẩm chưa thanh toán (Cty Hòa Lâm)	✓		152	77.750.000	
				✓		1331	7.775.000	
				✓		331		85.525.000
08/12	HĐ 066716	08/12	Mua xỉ than, thanh toán bằng TGNH (Cty Hải Hà)	✓		152	250,000,000	
				✓		133	25,000,000	
				✓		1121		275,000,000
09/12	PC 1822	09/12	Chi trả tiền bã xít phụ phẩm	✓		331	85.525.000	
				✓		1121		85.525.000
10/12	HĐ 006736	10/12	Mua bổ sung bã xít phụ phẩm (Cty Hòa Lâm)	✓		152	15,550,000	
				✓		1331	1,555,000	
				✓		1111		17.105.000
...	...	...	...	✓				
			Cộng phát sinh				**8.520.345.566**	**8.520.345.566**

-Sổ này có ... trang , đánh số từ trang 01 đến trang ...
-Ngày mở sổ: 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Biểu số 2.13:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03b- DN
QĐ 15/2006- BTC
Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2013
SHTK: 152
Tên TK: Nguyên vật liệu

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Sổ NKC		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư 30/11				**866.533.000**	
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
02/12	HĐ 000539	02/12	Mua đất sét của công ty Thanh Tuyền chưa thanh toán			331	246,000,000	
03/12	HĐ 006719	03/12	Mua than pha của công ty TNHH Hải Hà chưa thanh toán			331	990,000,000	
04/12	HĐ 006692	4/12	Mua bã xít phụ phẩm chưa thanh toán (Cty Hòa Lâm)			331	77.750.000	
08/12	HĐ 066716	08/12	Mua xỉ than, thanh toán bằng chuyển khoản			1121	250,000,000	
10/12	HĐ 006736	10/12	Mua bổ sung bã xít phụ phẩm			1111	15.550.000	
11/12	HĐ 038990	11/12	Mua dầu Diesel của Công ty xăng dầu Lưu Kiếm chưa thanh toán			331	88,400,000	
...	...	...	.....					
31/12	PX 1243	03/12	Xuất đất sét cho sản xuất			621		823.090.000
..	...	...	.....					
			Cộng phát sinh				4.120.050.500	3.404.546.000
			Số dư 31/12				**1.582.037.500**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Trích năm 2013)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

<u>Ví dụ 2:</u> Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nhưng thanh toán bằng tiền mặt.

Ngày 10/12/2013, công ty mua thêm 100 tấn bã xít phụ phẩm của công ty Hòa Lâm, thanh toán ngay bằng tiền mặt. Căn cứ vào HĐGTGT số 066736 có:

Giá chưa thuế: 15.550.000

Thuế GTGT(Thuế suất 10%): 1.555.000

Tổng giá thanh toán: 17.105.000

Theo thoả thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 066736 (Biểu số 2.14):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT để lập phiếu chi (Biểu số 2.15) .

- Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, phiếu chi mở sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12).

Biểu số 2.14:

Mẫu số: 01 GTKT3/001
Ký hiệu: AA/ 13P
066736

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY SX VÀ TM HÒA LÂM
Địa chỉ: Đc: Minh Đức – Thủy Nguyên – Hải Phòng
Số tài khoản: MST: 0200110452
Điện thoại: MS

Họ tên người mua hàng: **Hà Thị Lệ**
Tên đơn vị: **Công ty TNHH gốm XD Đá Bạc**
Địa chỉ: **Cụm CN Gia Minh – Thuỷ Nguyên – Hải Phòng**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **TM** MS: **0 2 0 0 7 4 4 8 0 4**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1,	Bã xít phụ phẩm	Tấn	100	155.500	15.550.000
	Cộng				

	Cộng tiền hàng:	**15.550.000**
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:	**1.555.000**
	Tổng cộng tiền thanh toán	**17.105.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Mười bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn.\.**

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

Biểu số 2.15:

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH GỐM XD ĐÁ BẠC** Số: PC 2289
Địa chỉ: Cụm CN xã Gia Minh- Thủy Nguyên - HP Nợ: 152
Mã số thuế:0200744804 Nợ: 133
Tel: (031) 3693279 Có: 1111

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Họ và tên người nhận Nguyễn Thị Hiền
Địa chỉ (tên) Công ty Sản xuất và Thương Mại Hòa Lâm
Lý do chi Chi trả tiền mua bã xít phụ phẩm

Số tiền **17.105.000**
Bằng chữ Mười bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc
GGT (CMT) số: Ngày: *10 tháng 12 năm 2013*

Thủ trưởng đơn vị	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: **Mười bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn.**
(bằng chữ)

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Thủ quỹ	**Người nhận tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

2.2.6.3. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Việc xuất dùng nguyên vật liệu chủ yếu là phục vụ nhu cầu sản xuất.Tuỳ theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất vật liệu sẽ phản ánh giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng vào bên có TK 152 và vào bên nợ của các TK có liên quan.

Để xác định trị giá vốn xuất kho của nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp "Bình quân gia quyền cả kỳ".

Kế toán lập Bảng kê các phiếu xuất kho:

Biểu số 2.16: **BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO**

Tháng 12 năm 2013

Bảng kê số: 01

Ghi Nợ TK: 621

Tên nguyên vật liệu: Đất sét Đơn vị tính: m³

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Số lượng	Ghi chú
	Ngày	Số		
05/12	03/12	PX 1244	1.000	
05/12	05/12	PX 1249	500	
15/12	11/12	PX 1259	1.000	
18/12	17/12	PX 1260	1.000	
....	...	...		
31/12	28/12	PX 1290	500	
31/12	31/12	PX 1295	500	
Tổng cộng			10000	

Ví dụ: Tháng 12/2013, công ty có tình hình nhập - xuất - tồn Đất sét như sau:

Số lượng tồn kho đầu tháng 12/2013: 460 m³ Thành tiền: 36.800.000 đ

Trong kỳ:

Nhập kho: 16000 m³ Thành tiền: 1.318.000.000 đ

Xuất kho: 10000 m³

Với tài liệu trên, cuối tháng (31/12) kế toán tính trị giá vốn thực tế xuất kho của nguyên vật liệu xuất kho của dầu Diesel như sau:

$$\text{Đơn giá BQGQ cả kỳ} = \frac{36.800.000 + 1.318.000.000}{460 + 16000} = 82.309 \text{ đ/m}^3$$

Trị giá vốn thực tế của Đất sét xuất kho trong tháng 12/2013 là:

10000 × 82.309 = 823.090.000 đ

Sau khi trị tính giá NVL xuất kho cuối kì, kế toán vào sổ cái các tài khoản chi phí (biểu số 2.16; 2.17).

Biểu số 2.17:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03b- DN
QĐ 15/2006- BTC
Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2013

SHTK: 621

Tên TK: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Sổ NKC		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Số trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư 30/11				**x**	**x**
			Phát sinh trong kỳ					
...	...	...	.....			.....	.....	.....
31/12	BK 01	31/12	Xuất kho đất sét phục vụ sản xuất sản phẩm			152	823.090.000	
31/12	BK 02	31/12	Xuất kho than pha phục vụ sản xuất sản phẩm			152	593.792.600	
31/12	BK 03	31/12	Xuất kho xỉ than phục vụ sx sp			152	125.004.400	
...	...	...	.....			...	.....	.....
			Cộng phát sinh				2.100.465.100	2.100.465.100
			Số dư 31/12				**x**	**x**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Trích năm 2013)

Cuối tháng, căn cứ vào sổ cái các tài khoản cho phí, kế toán lập bảng phân bổ vật liệu. Số liệu trên hàng tổng cộng của bảng phân bổ nguyên vật liệu (Biểu số 18) được đối chiếu khớp với số liệu trên dòng xuất của bảng tổng hợp chi tiết vật tư.

Biểu số 2.18:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc — Mẫu số 07-VT

Cụm CN Xã Gia Minh – Thủy Nguyên - Hải Phòng — QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

BẢNG PHÂN BỔ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Ghi có TK 152 / Đối tượng sử dụng (Ghi nợ các TK)	TK 152
I	**TK 621**	**2.100.465.100**
	Xuất nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm	2.100.465.100
II	**TK 627**	**990.750.200**
	Xuất NVL phục vụ sản xuất	990.750.200
II	**TK 641**	**170.330.440**
	Xuất NVL phục vụ bán hàng	170.330.440
III	**TK 642**	**142.000.260**
	Xuất NVL phục vụ quản lý DN	142.000.260
	Tổng cộng	**3.404.546.000**

Người lập biểu — **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) — *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc)[5]

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC

3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường, công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc gặp không ít các khó khăn, thử thách. Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp sản xuất cùng loại sản phẩm, làm cho cung vượt quá cầu. Song với sự nỗ lực của mình, công ty vẫn phát triển không ngừng, sản phẩm của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường. Có được những thành tích này là nhờ vào bộ máy điều hành và quản lý công ty nói chung và bộ máy kế toán công ty nói riêng.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác kế toán tại công ty và trên cơ sở những kiến thức đã được học, sự vận dụng lý luận vào thực tiễn, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng ở công ty đã đạt được những kết quả tích cực và cũng còn một số mặt hạn chế.

3.1.1 . Ưu điểm.

- Về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu:

+ Công ty đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế và tính giá xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.Việc đánh giá như vậy là hợp lý.

+ Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu.

+ Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được giá trị nhập, xuất, tăng, giảm, hiện có của nguyên vật liệu. Như vậy, công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

+ Trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, giữa phòng kế toán và thủ kho có sự phối hợp chặt chẽ: Thủ kho theo dõi, quản lý chi tiết nguyên vật liệu trên các thẻ kho, kế toán theo dõi chi tiết trên các sổ chi tiết nguyên vật liệu; hàng tuần nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận các phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.

3.1.2. Những mặt hạn chế còn tồn tại.

Bên cạnh những những ưu điểm cơ bản, trong quá trình quản lý và sử dụng kế toán nguyên vật liệu còn một số hạn chế sau:

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu.

+ Khâu thu mua và vận chuyển: Nguyên vật liệu chủ yếu được nhập từ các địa phương lân cận, nên việc vận chuyển tốn kém ít chi phí. Tuy nhiên, đôi khi chỉ tiêu về chất lượng vẫn không đáp ứng được yêu cầu của công ty.

+ Khâu sử dụng: việc sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp vẫn chưa hiệu quả, còn gây nhiều lãng phí, chưa tận dụng được các phế liệu. Bởi chưa có chính sách quản lý việc sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp một cách hợp lý. Chưa tạo được đức tính tiết kiệm trong việc sử dụng nguyên vật liệu của công nhân.

+ Khâu dự trữ, bảo quản: Công ty hiện tại đang có 02 kho đựng nguyên vật liệu dự trữ. Tuy nhiên, cũng có thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất thì hai kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó, nhiều nguyên vật liệu phải để ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng của thời tiết như: mưa, gió, bão...thì không được che đậy cẩn thận sẽ dẫn tới tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị và giảm chất lượng.

Ngoài ra, việc sắp xếp nguyên vật liệu trong kho chưa thật hợp lý bởi nhiều khi một loại nguyên vật liệu lại được để ở kho khác nhau, do nhiều thủ kho quản lý. Đến cuối tháng, khi kế toán tiến hành tổ chức đối chiếu số liệu với thủ kho sẽ bị mất nhiều công sức bởi cùng một loại nguyên vật liệu phải đợi số liệu tổng hợp từ nhiều kho gửi lên thì mới có thể tổng hợp được số liệu kế toán.

- Về công tác kế toán nguyên vật liệu:

+ Về phân loại nguyên vật liệu: Doanh nghiệp có phân chia thành 2 loại nguyên vật liệu, đó là, nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ. Tuy nhiên, khi hạch toán thì kế toán chỉ sử dụng 1 loại tài khoản, TK152 - nguyên vật liệu, dùng chung cho cả hai loại trên.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.

- Nguyên tắc thận trọng: Để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung mà cụ thể ở đây là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên, công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tuỳ theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn.

Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa, thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đấu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy, bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.3. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Từ những kiến thức lý luận được trang bị trong nhà trường cùng với tình hình thực tế tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc, nên em mạnh dạn đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác nguyên vật liệu tại công ty như sau:

***Thứ nhất:* Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ.**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu 3.1.

Biểu số 3.1:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng…..năm

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				

(Bộ Tài chính-2009)[1]

Ví dụ 3.1: Về tình hình nguyên vật liệu trong tháng 12 tại kho của Công ty ở mục 2.2 như sau:

Khi nhập - xuất kho nguyên vật liệu, kế toán tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; đồng thời chuyển cho thủ kho để vào thẻ kho, sau đó thủ kho lại chuyển lại cho kế toán nguyên vật liệu để vào sổ sách kế toán, thủ kho và kế toán phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của Công ty theo biểu 3.2

Biểu số 3.2:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				
…	…	…	……	……..	…..	…
15	02/12	PN 1144	Nhập kho đất sét	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	…
16	02/12	PN 1145	Nhập kho găng tay	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	…..
...	...	...	.....	.....	.....	.....
19	03/12	PX 1243	Xuất kho đất sét	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	…..
...	...	...	.....	.....	.....	.....
25	05/12	PX 1244	Xuất kho dầu diesel	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	…..
...	...	...	.....	.....	.....	.....
32	05/12	PX 1249	Xuất kho đất sét	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	…..
...	...	...	.....	.....	.....	.....
95	24/12	PN 1285	Nhập kho que hàn	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	
…	…	…	……	…….	……	…..

Thứ hai: ***Cần phải xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.***

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty được phân loại thành từng nhóm khác nhau. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu.

Xây dựng danh điểm vật tư là việc quy định những ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số kết hợp với các chữ cái thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Nguyên vật liệu của công ty là đa dạng về chủng loại nên việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán là việc làm cần thiết. Xây dựng sổ danh điểm vật tư sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu được tốt, hạch toán kế toán sẽ chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vi tính hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán kế toán, xử lý vật liệu nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Việc xây dựng danh điểm vật tư phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ban chức năng quản lý để đảm bảo khoa học, hợp lý phục vụ yêu cầu quản lý của công ty.

Về cách xây dựng danh điểm đối với nguyên vật liệu, có thể thực hiện bằng việc mở tài khoản chi tiết theo nội dung kinh tế của nguyên vật liệu.

Biểu 3.3:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-01		Đất sét		
		1521-01-01	Đất sét đỏ	Tấn	
		1521-01-02	Đất sét trắng	Tấn	
		….	….		
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-01		Bã xít phụ phẩm	Tấn	
		……..			
	1522-02				
		1522-02-01	Bột borach loại 1	kg	
		1522-02-02	Bột borach loại 2	kg	
		….	…		
		….	….		
1523			Nhiên liệu		
	1523-01		Dầu		
		1523-01-01	Dầu Diezen	lít	
		1523-02-01	Dầu nhờn	lít	
		….			

Một khi hệ thống danh điểm vật tư được xây dựng và công ty ứng dụng tin học vào công tác kế toán thì sẽ phát huy được hiệu quả quản lý, hạch toán nguyên vật liệu.

<u>Thứ ba:</u> Về việc mở thêm tài khoản.

Kế toán nên mở thêm 2 tài khoản, đó là TK 1521 – Nguyên vật liệu chính (ví dụ: Đất sét, than bùn, than pha,...), để phản ánh các loại vật liệu chính, TK 1522 - Vật liệu phụ (ví dụ: Bột Fric, bột Borach,...), để phản ánh các loại vật liệu phụ. Bởi như vậy sẽ phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu trong sản xuất. Ngoài ra, việc mở thêm 2 tài khoản này sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của Nhà nước.

<u>Thứ tư:</u> Ứng dụng phần mềm kế toán.

Nguyên vật liệu của công ty khác đa dạng về chủng loại, vì vậy, công ty nên nhanh chóng áp dụng phần mềm kế toán vào tất cả các phần hành kế toán. Công ty có thể áp dụng một số phần mềm kế toán sau: MISA, SASINOVA, FAST, ACMAN…

Áp dụng phần mềm tin học vào tổ chức kế toán của công ty đem lại những hiệu quả cao trong công việc như:

+ Giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán.

+ Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hoá bộ máy kế toán của công ty.

+ Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời, có độ chính xác cao.

+ Tạo điều kiện cho Công ty dễ dàng kiểm soát các thông tin về tài chính kế toán.

+ Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về kết quả hoạt động của Công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ; đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của Nhà nước.

+ Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng được nhất quán trong toàn Công ty giúp cho việc hệ thống sổ sách chứng từ nhanh chóng, đạt hiệu quả cao.

+ Thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1.Kết luận

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc, em thấy công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty tương đối phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Các thủ tục nhập xuất kho nguyên vật liệu được tiến hành tương đối chặt chẽ, kết hợp giữa các phòng ban trong công ty.
- Kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện theo phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp tính đơn giá nguyên vật liệu xuất kho cuối kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán ở công ty vẫn còn tồn tại một số nhược điểm cần khắc phục như sau:

- Công ty chưa lập sổ giao nhận chứng từ nên khó kiểm soát về mặt sổ sách chứng từ, dễ gây nhầm lẫn, mất mát.

- Công ty chưa lập hệ thống danh điểm nguyên vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.

- Công ty mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng tài khoản cấp I để hạch toán nguyên vật liệu gây khó khăn cho việc ghi sổ và quản lý nguyên vật liệu .

- Công ty vẫn sử dụng phương pháp ghi sổ thủ công.

2. Kiến nghị

- Công ty cần lập sổ giao nhận chứng từ, giúp thắt chặt việc kiểm soát về mặt sổ sách chứng từ, tránh gây nhầm lẫn, mất mát.

- Công ty cần lập hệ thống danh điểm nguyên vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất. Việc này sẽ giúp doanh nghiệp quản lý các chủng loại nguyên vật liệu khác nhau, từ đó việc sử dụng các loại nguyên vật liệu sẽ hợp lý hơn, thuận tiện khi áp dụng phần mềm kế toán.

- Công ty mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng tài khoản cấp I để hạch toán nguyên vật liệu. Trong thời gian tới công ty cần phải bổ sung sử dụng các tài khoản cấp II, giúp cho việc ghi sổ và quản lý nguyên vật liệu được dễ dàng, hiệu quả hơn.

- Công ty vẫn sử dụng phương pháp ghi sổ thủ công. Vì vậy công ty nên áp dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính, giúp giảm số lượng sổ sách, giảm khối lượng công việc cho kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1- Hệ thống tài khoản kế toán và*
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2- Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính
3. Trương Thị Thủy – Ngô Thế Chi (2012), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
4. Võ Văn Nhị - *Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới* - Nhà xuất bản tàu chính - Năm 2006
5. Các sổ sách chứng từ kế toán năm 2013 của Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc